

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2023

“V/v tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Thị Thu Tâm.

2- Bà Lê Thị Th Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 81/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Th vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2023 và lời trình bày của nguyên đơn là bà Trần Thị Kim T trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Bà T và ông Nguyễn Văn Th tự tìm hiểu được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 1998 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã A, huyện B, tỉnh Long An vào ngày 26/6/1998. Sau khi cưới bà T và ông Th chung sống hòa thuận với nhau. Đến khoảng năm 2010 thường xuyên gây cãi với nhau, mâu thuẫn về tiền bạc và ông Th còn ghen tuông vô cớ, ăn nhậu về nhà thì kiểm chuyện chửi mắng. Bà T đã nhiều lần nói chuyện hòa giải, khuyên ông Th sửa đổi nhưng không được.

Nhận thấy tình cảm giữa bà T và ông Th không thể nào hàn gắn được nữa. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Bà T và ông Th có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 05/9/1997 và Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 08/02/2001. Hai con đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Th trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có văn bản ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của T, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Kim T nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Văn Th vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Ông Nguyễn Văn Th vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Căn cứ lời trình bày của bà T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử nhận thấy, bà T và ông Th được pháp luật công nhận là vợ chồng. Hôn nhân của ông bà đã không có tiếng nói chung, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. nay bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Ông Th không đưa ra được giải pháp hàn gắn hôn nhân và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án thể hiện ông Th không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà T. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa hai bên là trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà T xác định bà và ông Th có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh ngày 05/9/1997 và Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 08/02/2001. Hai con đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà T phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Áp dụng khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T đối với ông Nguyễn Văn Th.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003804 ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bà Trần Thị Kim T đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí.

3. Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã A, huyện B, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lưu Thủy